

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn

Ngày 30/09/2025	27,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	29.7%	121.8	137.3

DT thuần Q3/25
359
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00 -0.7%
YoY: ▲ 142 65.6%

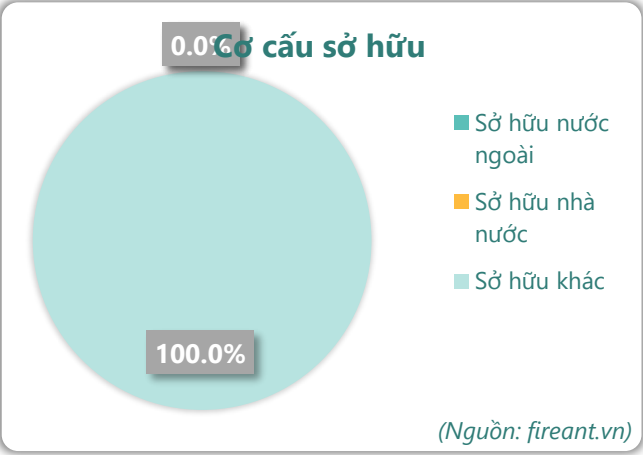
LN thuần Q3/25
7.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.65 9.3%
YoY: ▲ 3.22 72.5%

LN sau thuế Q3/25
6.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.16 2.6%
YoY: ▲ 2.23 55.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.3%
YoY: +/-▲ 0.4%

ROE (TTM) Q3/25
11.0%
YoY: +/-▲ 1.3%

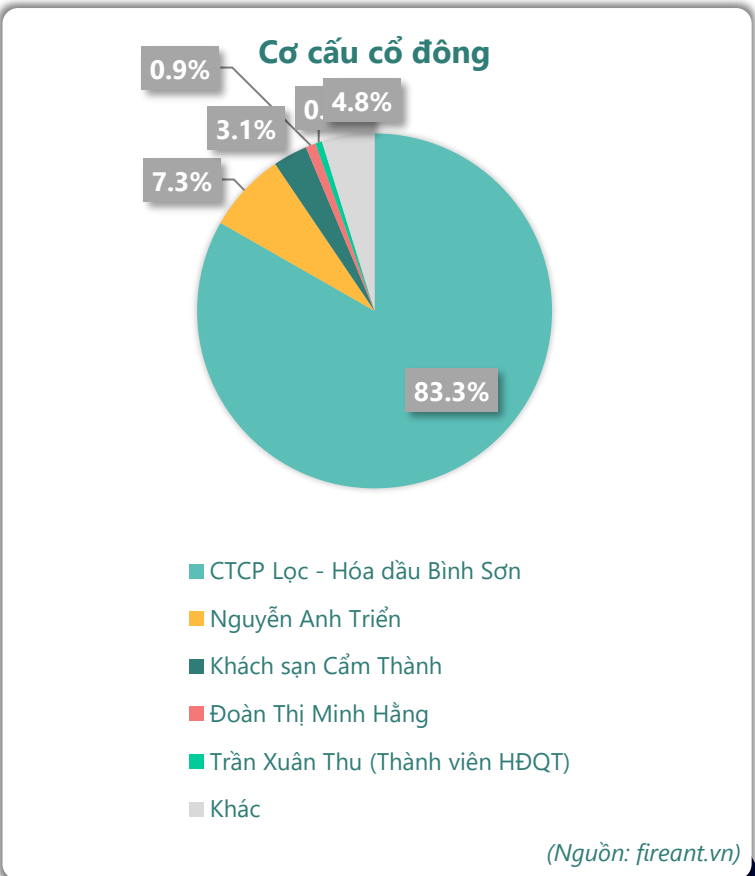
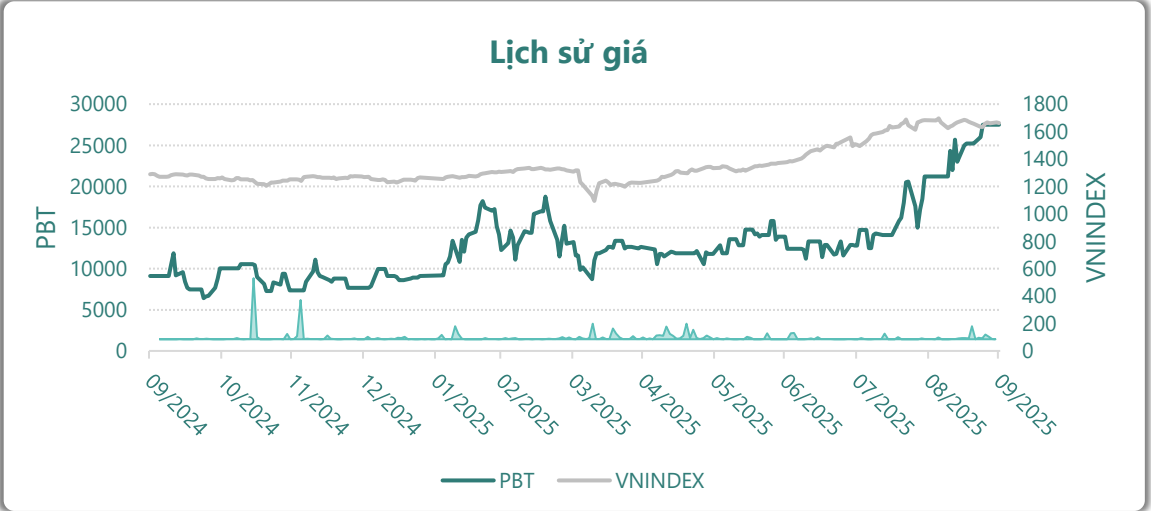
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,416 - 27,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	482
Số lượng CPLH (CP)	17,522,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)	100
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.18
EPS	1,200
P/E	22.9



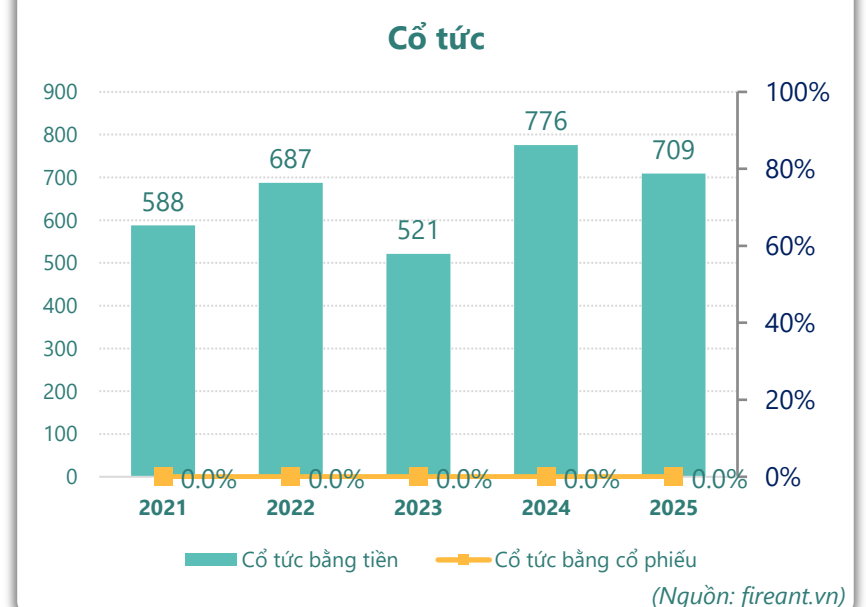
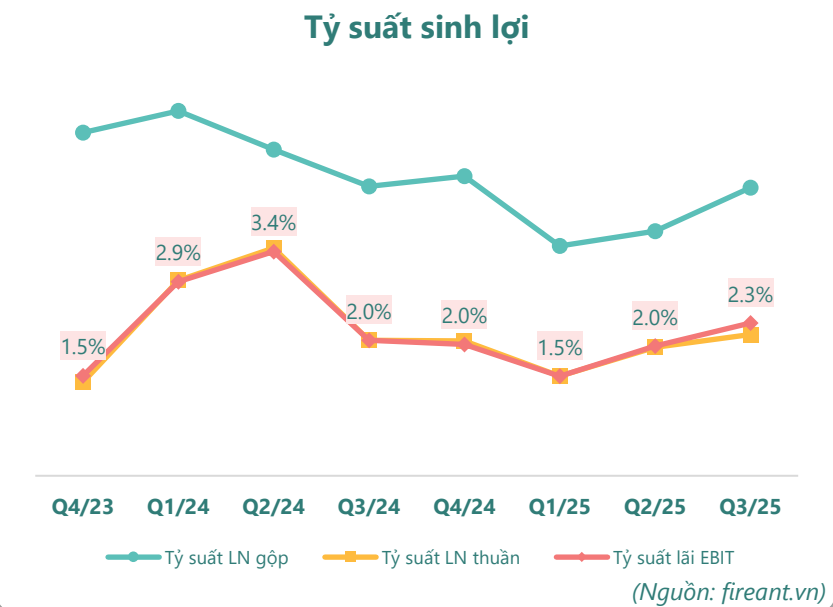
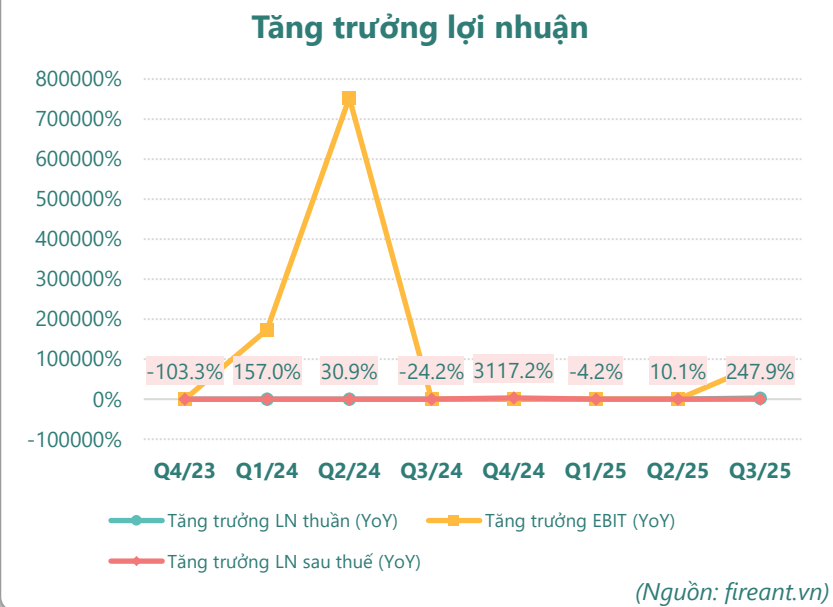
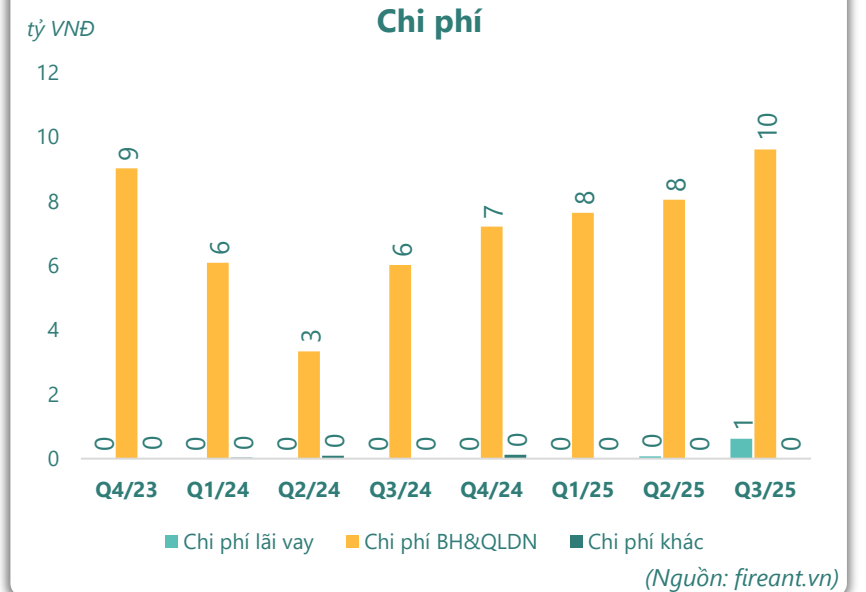
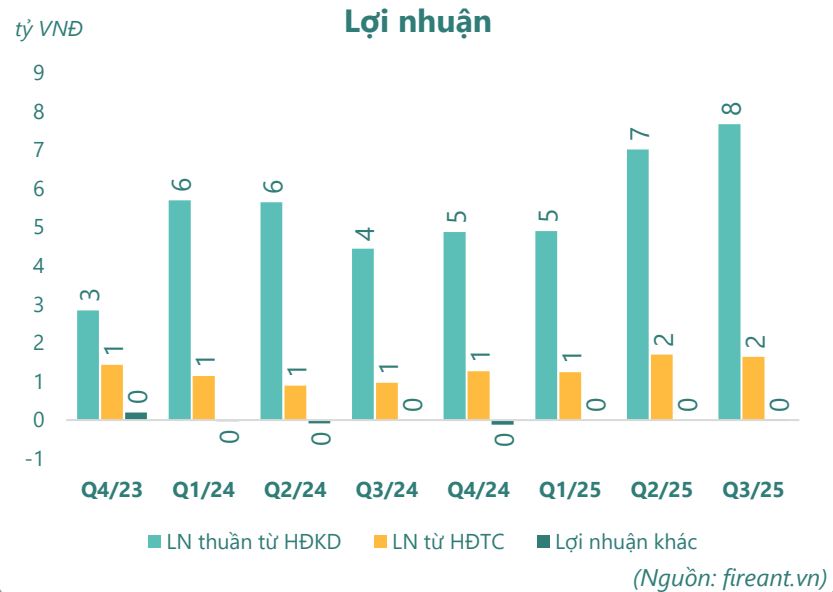
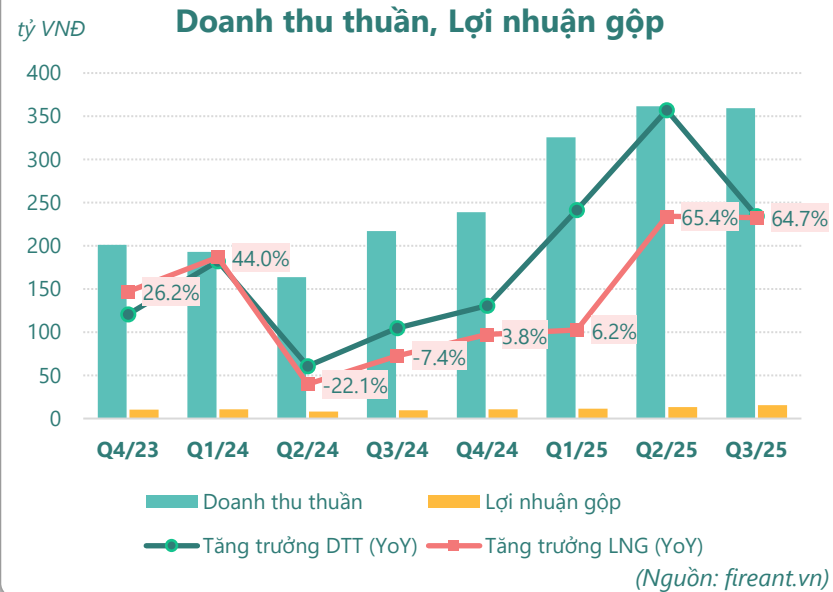
DT thuần 9T 2025
1,047
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 473 82.3%

LN thuần 9T 2025
19.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.80 24.1%

LN sau thuế 9T 2025
16.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.80 20.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

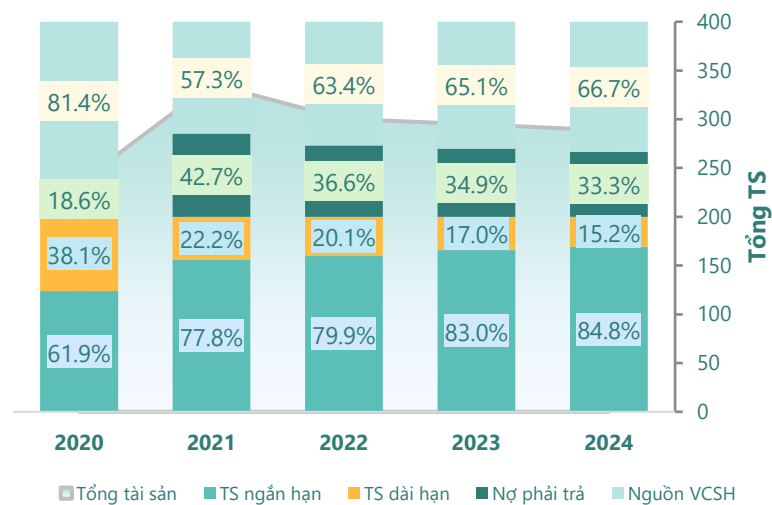




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

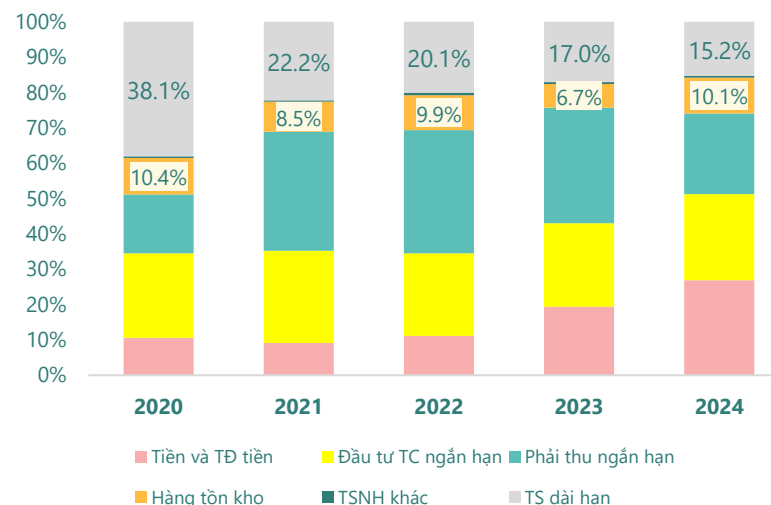
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

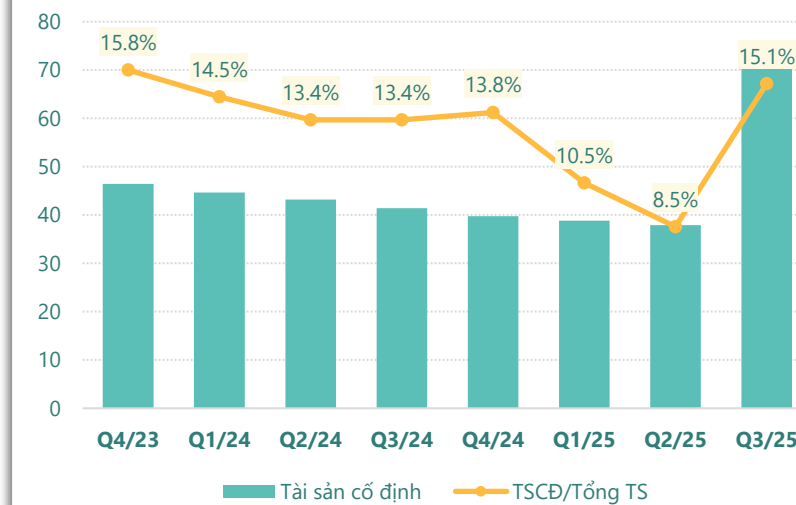
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

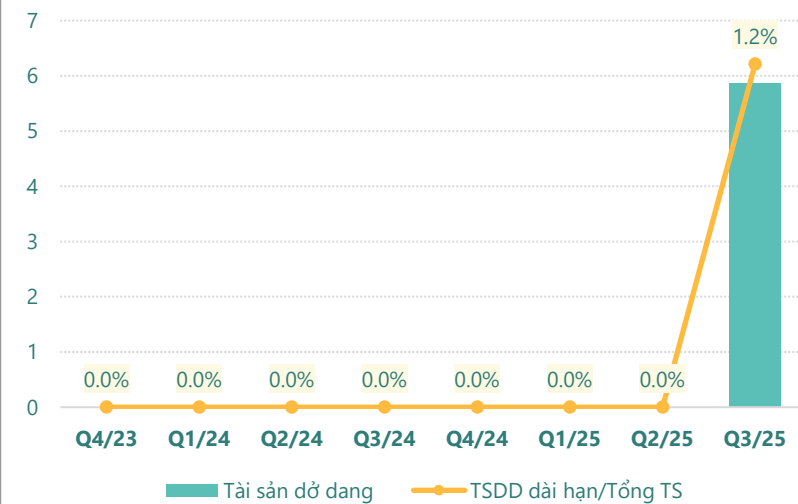
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

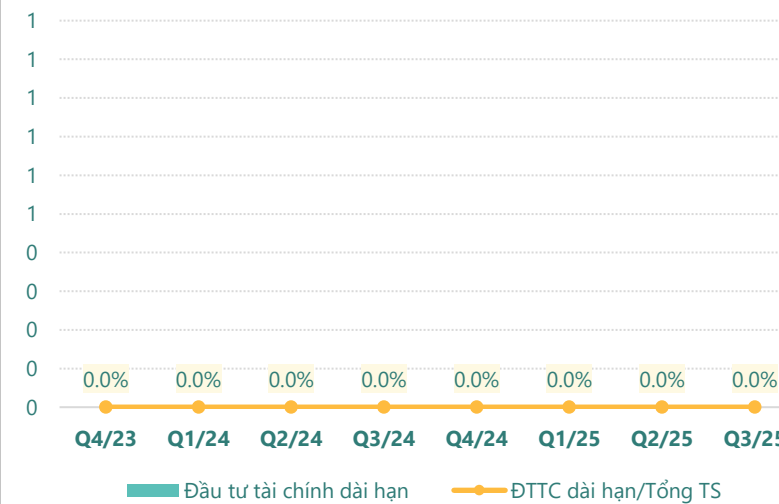
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

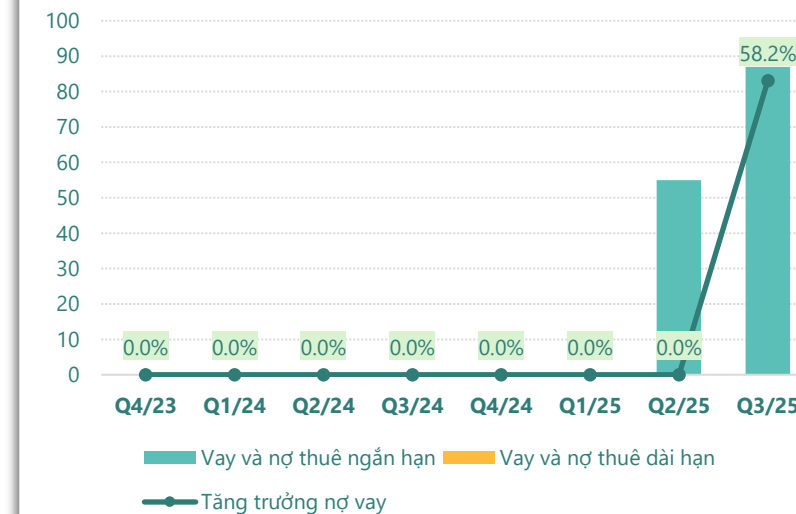
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

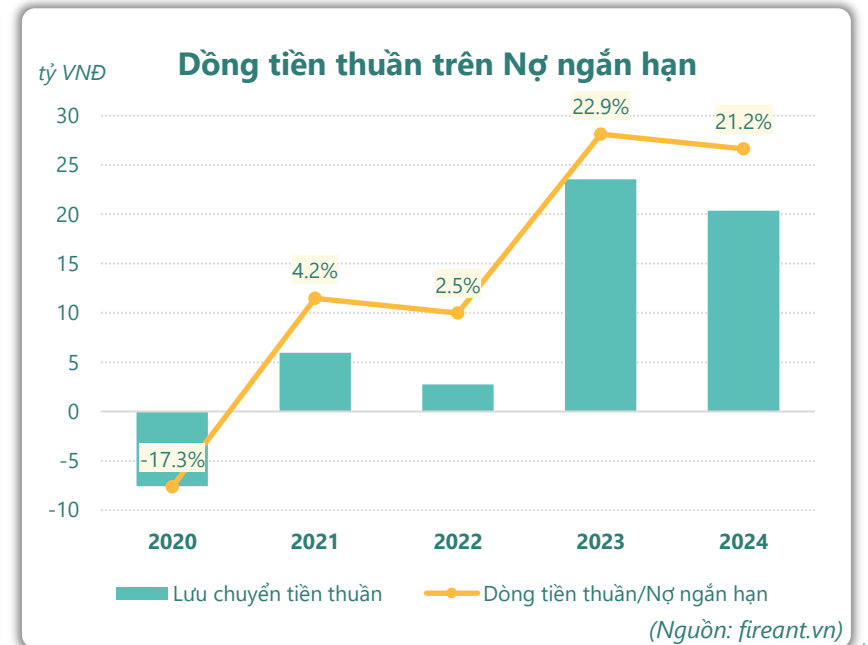
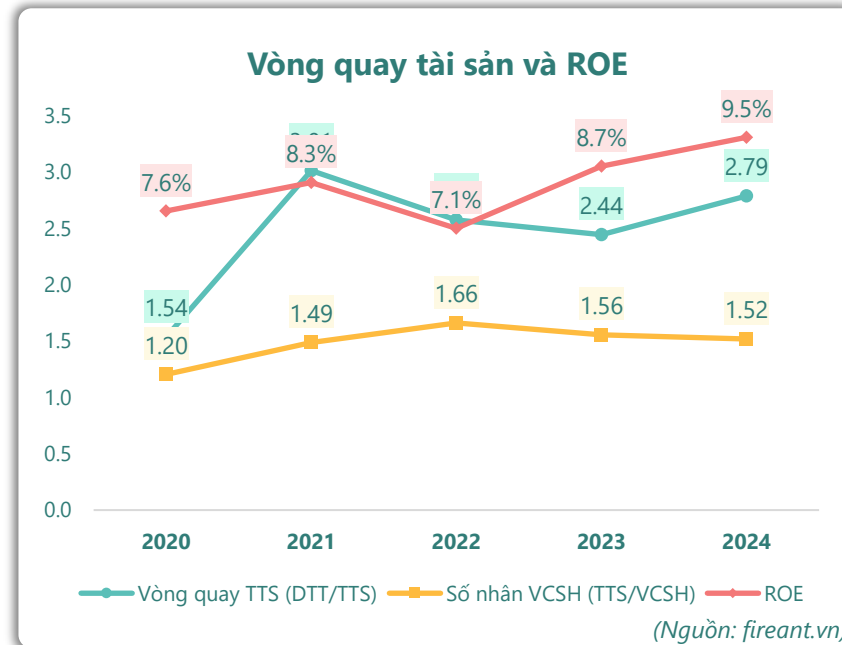
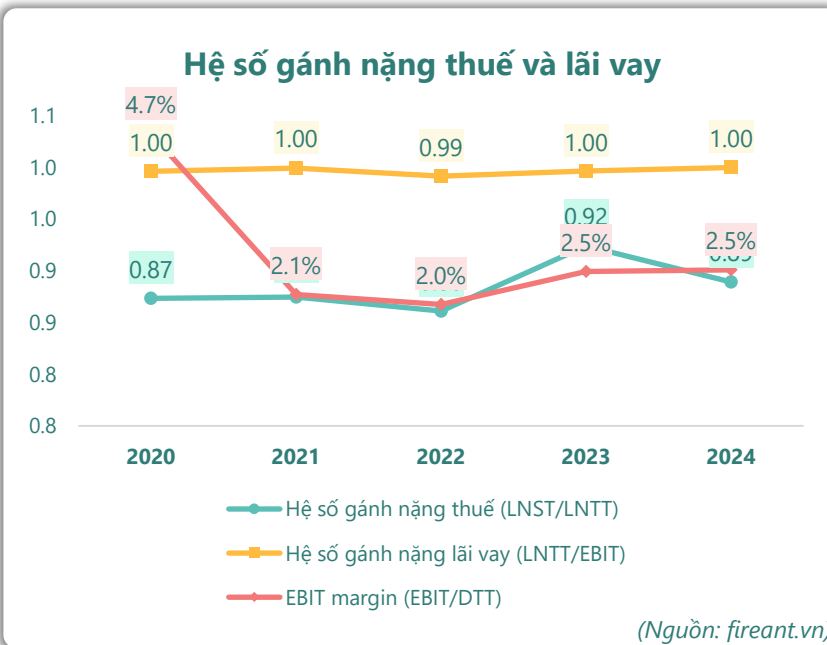
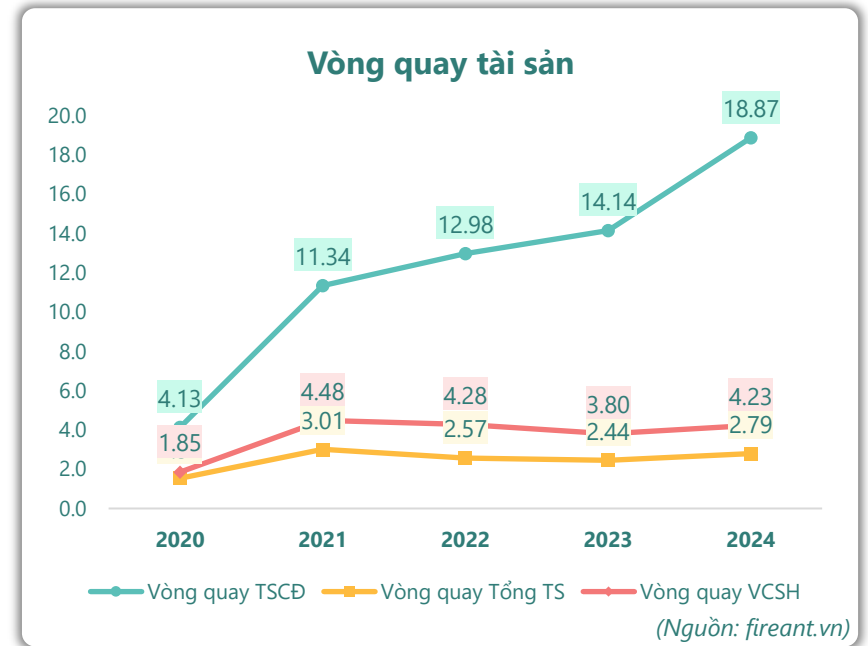
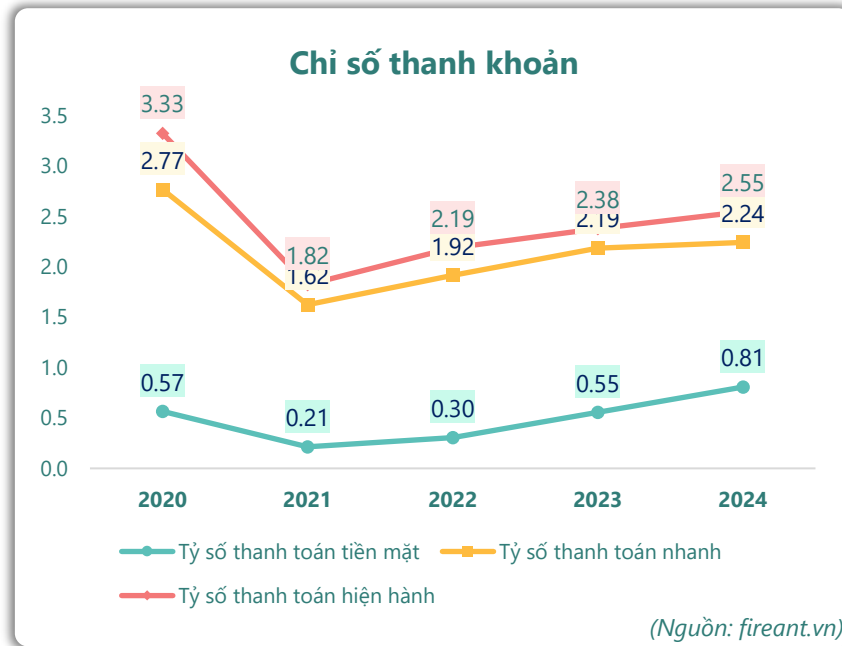
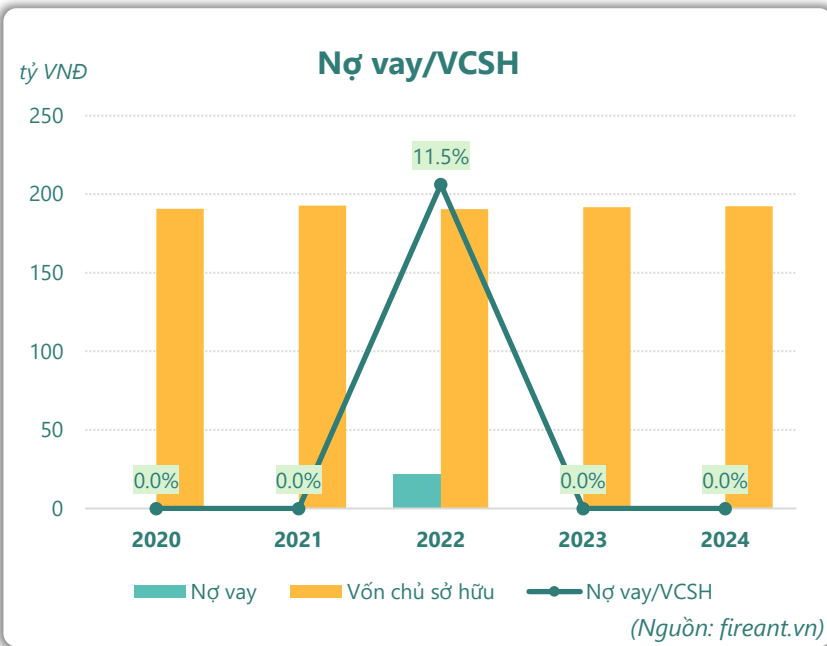
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	359	217	65.6%	1,047	574	82.3%
Giá vốn hàng bán	344	208	65.3%	1,006	546	84.4%
Lợi nhuận gộp	15.7	9.51	64.7%	40.3	28.2	42.9%
Doanh thu HĐTC	2.26	0.97	133%	5.28	3.02	74.8%
Chi phí TC	0.62	0.01	6114%	0.70	0.01	4931%
Chi phí lãi vay	0.62	0.00		0.69	0.00	28899%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.58	1.29	22.5%	4.34	3.66	18.7%
Chi phí QLDN	8.04	4.74	69.7%	21.0	11.8	77.8%
LN thuần từ HĐKD	7.67	4.45	72.5%	19.6	15.8	24.1%
Lợi nhuận khác	0.01	0.00		0.01	-0.12	112%
LN trước thuế	7.69	4.45	72.8%	19.6	15.7	25.1%
Lợi nhuận sau thuế	6.27	4.04	55.2%	16.7	13.9	20.7%
LNST của CĐ cty mẹ	6.27	4.04	55.2%	16.7	13.9	20.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.79	43.7	-2.67	20.4	-8.85	5.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.10	0.61	0.74	2.26	-0.19	-53.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-11.6	0	0	55.0	19.6
Tiền đầu kỳ	39.8	46.7	79.4	77.5	100	146
Lưu chuyển tiền thuần	6.89	32.7	-1.93	22.7	46.0	-27.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.07	0	0.02	0.01	0.00	0.12
Tiền cuối kỳ	46.7	79.4	77.5	100	146	118

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	471	289	63.4%
Tài sản ngắn hạn	391	245	59.9%
Tiền và tương đương tiền	118	77.5	52.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	84.3	70.3	19.9%
Phải thu ngắn hạn	159	66.0	141%
Hàng tồn kho	26.1	29.2	-10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.38	1.71	98.2%
Tài sản dài hạn	80.3	43.9	82.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	71.3	39.7	79.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.86	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.23	4.19	-22.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	280	96.1	192%
Nợ ngắn hạn	280	96.0	192%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	87.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	160	84.7	88.3%
Nợ dài hạn	0	0.07	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	191	192	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	191	192	-0.7%
Vốn điều lệ	175	175	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

